

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**BÙI ĐÌNH HIẾU**

**KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY  
DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ  
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐẮK LẮK**

**Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng**

**Mã số: 60.34.02.01**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

**Đắk Lắk – Năm 2016**

Công trình được hoàn thành tại

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN HÒA NHÂN**

Phản biện 1: TS. HỒ HỮU TIẾN

Phản biện 2: TS. HỒ VIỆT TIẾN

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng họp tại Đắc Lắc vào ngày 2 tháng 10 năm 2016.

*Có thể tìm hiểu Luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động tín dụng đã và đang là một trong những hoạt động kinh doanh chính mang lại thu nhập chủ yếu cho các NHTM Việt Nam nói chung và Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk nói riêng.

Hạn chế rủi ro tín dụng tốt tức là tối ưu hóa sự đánh đổi giữa rủi ro tín dụng và khả năng sinh lời từ hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Thực tiễn hoạt động tín dụng của ngân hàng trong thời gian qua cũng cho thấy rủi ro tín dụng trong cho vay chưa được kiểm soát một cách hiệu quả. Chính vì vậy, yêu cầu cấp bách đặt ra là rủi ro tín dụng phải được quản lý và kiểm soát chặt chẽ để hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro có thể xảy ra, giảm thiểu các thiệt hại phát sinh từ rủi ro tín dụng và tăng lợi nhuận ngân hàng. Góp phần nâng cao uy tín và tạo ra lợi thế của ngân hàng trong cạnh tranh.

Trong điều kiện nền kinh tế còn phải đối mặt với nhiều khó khăn điều này gây tác động không nhỏ đến hoạt động tín dụng ngân hàng nhất là hoạt động cho vay đối khách hàng doanh nghiệp. Do đó, hiện nay việc nâng cao hiệu quả trong hoạt động cho vay của ngân hàng nhất là việc tìm ra các biện pháp nhằm kiểm soát các rủi ro tín dụng trong cho vay đối với đối tượng khách hàng doanh nghiệp giai đoạn hiện nay là cần thiết và ngày càng được các Ngân hàng thương mại quan tâm. Chính vì lý do trên tôi quyết định chọn đề tài “*Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay Doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk*”.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa những lý luận chung về rủi ro tín dụng và kiểm

soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của Ngân hàng thương mại.

- Phân tích, đánh giá thực trạng rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp và kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk;

- Đề xuất các giải pháp nhằm kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và cơ sở lý luận của các khoa học: Kinh tế học vĩ mô, vi mô, Lý thuyết tài chính – tiền tệ, quản trị Ngân hàng thương mại, v.v.. , đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể truyền thống như: điều tra, tổng hợp, phân tích và so sánh để đi đến những kết luận, đánh giá tình hình.

#### **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

#### **6. Bố cục đề tài**

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk

Chương 3: Hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk

#### **7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

### 1.1. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG

#### 1.1.1. Hoạt động cho vay của Ngân hàng

##### *a. Khái niệm cho vay*

Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

##### *b. Nguyên tắc cho vay*

Khi khách hàng cần vay vốn từ NHTM, ngoài các giấy tờ, chứng từ cần thiết thì khách hàng cần đảm bảo các nguyên tắc cho vay.

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

- Phải hoàn trả gốc và lãi đúng hạn

##### *c. Phân loại cho vay*

- Phân loại cho vay của TCTD dựa vào thời hạn.

- Phân loại cho vay của TCTD dựa vào tính chất có bảo đảm của khoản vay (hay là mức độ tín nhiệm của khách hàng).

- Phân loại cho vay dựa vào mục đích sử dụng vốn vay.

- Phân loại cho vay dựa vào phương thức vay.

#### 1.1.2. Rủi ro tín dụng và phân loại rủi ro tín dụng

##### *a. Khái niệm rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà các dòng tiền (cash flows) được

hện trả theo hợp đồng (tiền lãi, tiền gốc hoặc cả hai) từ các khoản cho vay và các chứng khoán đầu tư sẽ không được trả đầy đủ.

### ***b. Phân loại rủi ro tín dụng***

Tùy theo mục đích nghiên cứu, rủi ro tín dụng được phân loại theo các tiêu thức khác nhau, cụ thể:

- Căn cứ vào tiêu thức nguyên nhân phát sinh rủi ro

Rủi ro tín dụng được phân chia thành rủi ro giao dịch và rủi ro danh mục.

- Phân loại theo tính chất khách quan, chủ quan của nguyên nhân gây ra rủi ro: rủi ro khách quan, rủi ro chủ quan

### ***c. Căn cứ vào tác động lên danh mục tín dụng***

- *Rủi ro đặc thù*: Rủi ro tín dụng của một người vay cụ thể phát sinh do những kiểu đặc thù của rủi ro dự án mà người vay thực hiện.

- *Rủi ro hệ thống*: Rủi ro tín dụng phát sinh do bối cảnh chung của nền kinh tế hoặc những điều kiện vĩ mô tác động lên toàn bộ các người vay (vd: suy thoái kinh tế...).

## **1.1.3. Tác động của rủi ro tín dụng**

### ***a. Đối với Ngân hàng thương mại***

- Giảm thu nhập ròng Ngân hàng.
- Giảm giá trị thị trường của vốn chủ sở hữu của Ngân hàng.
- Gia tăng các loại rủi ro khác đối với Ngân hàng
- Gia tăng chi phí vay vốn của Ngân hàng.
- Rủi ro tín dụng làm giảm uy tín của Ngân hàng.

### ***b. Đối với nền kinh tế***

Hậu quả của rủi ro tín dụng ảnh hưởng rất nặng nề cho Ngân hàng và nền kinh tế. Các cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ trong khu vực và trên thế giới đã minh chứng rằng các Ngân hàng lớn sụp

đồ thì hậu quả của nó không giới hạn trong phạm vi một quốc gia, mà còn mang tính quốc tế.

### ***c. Đối với khách hàng***

Với tình hình tài chính không lành mạnh, kèm theo đó là các khoản nợ quá hạn, khách hàng vay đã tự đánh mất nguồn tài trợ các Ngân hàng - nơi cung ứng vốn chủ yếu. Thiếu vốn, các DN phải chấp nhận để các cơ hội kinh doanh trôi qua. Mặt khác, các tài sản bảo đảm cho khoản vay có thể bị tịch thu hoặc phát mãi để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, khách hàng vay sẽ phải đối mặt với nguy cơ phá sản, giải thể.

#### **1.1.4. Quản trị rủi ro tín dụng**

Quản trị rủi ro tín dụng là quá trình nhận dạng, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất, mất mát, những ảnh hưởng bất lợi của rủi ro tín dụng nhằm tối đa hóa lợi nhuận của ngân hàng với mức rủi ro có thể chấp nhận được. Quản trị rủi ro tín dụng bao gồm các nội dung: Nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro và tài trợ rủi ro tín dụng.

## **1.2. KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NHTM**

### **1.2.1. Đặc điểm RRTD trong cho vay doanh nghiệp**

### **1.2.2. Quan niệm về kiểm soát RRTD trong cho vay doanh nghiệp**

Kiểm soát rủi ro tín dụng là việc sử dụng các biện pháp, kỹ thuật, công cụ và những quá trình nhằm chủ động điều khiển, biến đổi rủi ro tín dụng tại một ngân hàng bằng cách kiểm soát tần suất, mức độ rủi ro. Mục đích kiểm soát RRTD trong cho vay doanh nghiệp là nhằm phòng ngừa rủi ro tín dụng xảy ra với xác suất rủi ro thấp nhất và hạn chế tối đa mức độ tổn thất thiệt hại một khi rủi ro

tín dụng xảy ra.

### **1.2.3. Nội dung kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay Doanh nghiệp**

Xét theo phương thức kiểm soát RRTD, nội dung kiểm soát RRTD được chia thành 5 phương thức như sau: né tránh rủi ro, ngăn ngừa rủi ro, giảm thiểu tổn thất, chuyển giao rủi ro, đa dạng hóa danh mục cho vay

### **1.2.4. Các tiêu chí phản ánh kết quả công tác kiểm soát rủi ro tín dụng của NHTM**

*a. Tỷ lệ dư nợ cho vay DN từ nhóm 2 đến nhóm 5*

*b. Biến động trong cơ cấu nhóm nợ của tổng dư nợ của các khoản cho vay*

*c. Tỷ lệ nợ xấu của các khoản cho vay Doanh nghiệp*

*d. Tỷ lệ xóa nợ rỗng của các khoản cho vay DN*

*e. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro của các khoản cho vay*

*f. Lãi treo các khoản cho vay DN*

### **1.2.5. Nhân tố ảnh hưởng đến kết quả công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay Doanh nghiệp**

*a. Nhân tố từ phía Ngân hàng cho vay*

- Chính sách tín dụng của Ngân hàng
- Quy trình tín dụng của Ngân hàng
- Vận dụng các nguyên tắc quản lý tín dụng
- Nguồn nhân lực thực hiện hoạt động tín dụng
- Chất lượng hệ thống thông tin Ngân hàng
- Năng lực tài chính và trang bị công nghệ Ngân hàng

*b. Nhân tố bên ngoài Ngân hàng*

- Nhân tố từ phía Doanh nghiệp
- Sự thay đổi của môi trường tự nhiên



- Môi trường kinh tế
- Môi trường pháp lý

## **Kết luận Chương 1**

### **CHƯƠNG 2**

#### **THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TU VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐẮC LẮK**

#### **2.1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỆU VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐẮC LẮK**

##### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

*a. Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP  
Đầu tư và phát triển Việt Nam*

*b. Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP  
Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắc Lắc*

*c. Chức năng và nhiệm vụ của BIDV Đắc Lắc*

##### **2.1.2. Cơ cấu tổ chức**

**2.1.3. Tình hình hoạt động kinh doanh cơ bản của Ngân  
hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đắc Lắc  
trong 04 năm (2012-2013-2014-2015)**

##### *a. Hoạt động huy động vốn*

Trong điều kiện kinh doanh gặp nhiều khó khăn với rất nhiều thử thách và áp lực cạnh tranh đồng thời chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới thì kết quả đạt được của công tác huy động vốn của BIDV Đắc Lắc được đánh giá là tương đối tốt. Tình hình huy động vốn của chi nhánh có những chuyển biến tích cực, duy trì được nguồn huy động vốn

**Bảng 2.1. Nguồn vốn huy động giai đoạn từ năm 2012 – 2015**

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Số tiền	TT %	Số tiền	TT %	Số tiền	TT %	Số tiền	TT %
I. Vốn huy động thuần	1.721	100	1.653	100	1.885	100	2.166	100
TG thanh toán	357	20,74	379	22,93	456	24,19	550	25,39
TG tiết kiệm	1.364	79,26	1.274	77,07	1.429	75,81	1.616	74,61
II. Vốn khác	-	-	-	-	0		0	
Tổng cộng	1.721	100	1.653	100	1.885	100	2.166	100

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh của BIDV Chi nhánh Đắk Lắk)

### **b. Hoạt động cho vay**

Mặc dù chi nhánh luôn chịu sự điều tiết của cơ chế kế hoạch của toàn hệ thống nhưng chi nhánh vẫn đảm bảo tăng trưởng tín dụng khá.

**Bảng 2.2. Dư nợ cho vay giai đoạn từ năm 2012 – 2015**

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT (%)
Dư nợ bình quân	3.269	100	3.405	100	3.572	100	3.985	100
Ngắn hạn	1.864	57,02	1.944	57,09	1.789	50,08	2.280	57,21
Trung. dài hạn	1.405	42,98	1.461	42,91	1.783	49,92	1.705	42,79
Ngắn hạn đối với DN	1.237	100	1.336	100	1302	100	1144	100
- Nợ từ nhóm 2 - 5	52	4,2	75	5,61	298	23	334	29
- Nợ xấu	20	1,62	20	1,5	40	3	29	3

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh của BIDV Chi nhánh Đắk Lắk)

**c. Kết quả hoạt động kinh doanh của chi nhánh**

**Bảng 2.3. Kết quả kinh doanh giai đoạn từ năm 2012 – 2015**

*Đvt: Tỷ đồng*

Chi tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT (%)	Số tiền	TT (%)	Số Tiền	TT (%)
Tổng thu nhập	174,1	100	165,4	100	156,197	100	191,451	100
1. Thu nhập thuần từ lãi	114,21	65,61	113,46	68,58	121,5	77,80	152,15	79,47
2. Thu nhập thuần từ KDDV	25	14,36	19,87	12,01	22,15	14,18	25,551	13,35
5. Thu nhập khác	34,86	20,03	32,11	19,41	12,547	8,03	13,75	7,18
Tổng chi phí	45,29	100	42,23	100	37,697	100,00	37,697	100
Chênh lệch thu chi trước trích lập DPRR	128,8		123,2		118,5		142,8	
DPRR	71,58		70,56		49		39,3	
Chênh lệch thu chi sau trích lập DPRR	57,2		52,65		88,5		103,5	

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh của BIDV Chi nhánh Đắk Lắk)

Qua bảng cho thấy các khoản thu cũng như các khoản chi của chi nhánh chủ yếu thuộc về các hoạt động kinh doanh tín dụng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không cao, điều này phản ánh hoạt động chủ yếu và hiệu quả nhất của BIDV Đắk Lắk tín dụng.

Với các kết quả đã đạt được chính là nhờ sự nỗ lực và nghiêm túc trong công việc của tập thể cán bộ nhân viên BIDV Đắk Lắk và đặc biệt là sự quan tâm, giúp đỡ tận tình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam trong công tác hỗ trợ, định hướng và có các giải pháp phát triển hoạt động kinh doanh trên địa bàn của BIDV Đắk Lắk.

## **2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐẮK LẮK**

**2.2.1. Mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay Doanh nghiệp tại BIDV - Chi nhánh Đắk Lắk**

**2.2.2. Những biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay Doanh nghiệp mà BIDV - Chi nhánh Đắk Lắk đã triển khai trong thời gian qua và tình hình thực hiện**

*a. Biện pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy tín dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ công tác trong bộ máy tín dụng*

*b. Về công tác thẩm định và quy trình tín dụng trong cho vay Doanh nghiệp tại BIDV Đắk Lắk*

*c. Coi trọng công tác kiểm tra giám sát sau giải ngân*

*d. Đa dạng hóa danh mục cho vay*

*e. Triển khai công tác xếp hạng tín dụng nội bộ đối với KH Doanh nghiệp*

*f. Áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp khi có rủi ro tín dụng xảy ra*

**2.2.3. Kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay Doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk**

*a. Biến động cơ cấu nhóm nợ và tỷ lệ dư nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5*

**Bảng 2.10. Phân nhóm nợ cho vay đối với Doanh nghiệp**

CHỈ TIÊU	2012		2013		2014		2015	
	Số tiền	TT %	Số tiền	TT %	Số tiền	TT %	Số tiền	TT %
1. Tổng dư nợ	1.237	100	1.336	100	2178	100	2159	100
Nợ nhóm 1	1.185	95,8	1.261	94,39	1817	83,43	1814	84,2
Nợ nhóm 2	32	2,59	55	4,12	326	14,97	302	13,99
Nợ nhóm 3	17	1,37	20	1,5	17	0,78	31	1,44
Nợ nhóm 4	2	0,16	-	-	0	0	5	0,23
Nợ nhóm 5	1	0,08	-	-	18	0,83	7	0,32
2. Nợ xấu	20	1,62	20	1,5	35	1,61	43	2
3. Nợ từ nhóm 2- 5	52	4,2	75	5,61	361	17	345	16

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh của BIDV Chi nhánh Đắk Lắk)

### **b. Tỷ lệ nợ xấu**

Nguyên nhân phát sinh nợ xấu chủ yếu là do các công ty TNHH, DNTN đã sử dụng vốn vay sai mục đích đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, một số DN gặp khó khăn trong vấn đề tài chính, làm ăn thua lỗ không thu được tiền hàng, dẫn đến không trả nợ được cho NH.

**Bảng 2.11. Tỷ lệ dư nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5**

CHỈ TIÊU	2012	2013	2014	2015	Chênh lệch (13/12)		Chênh lệch (14/13)		Chênh lệch (15/14)	
					Số tiền (tỷ đồng)	TĐ (%)	Số tiền (tỷ đồng)	TĐ (%)	Số tiền (tỷ đồng)	TĐ (%)
					Tổng dư nợ	1.237	1.336	2.178	2.159	99
Nợ xấu	20	20	35	43	0		15	75	8	22,9
Tỷ lệ nợ xấu	1,62%	1,50%	1,61%	2%	-0,12%		0,5%		0,5%	

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh của BIDV Chi nhánh Đắk Lắk)

### **c. Về tỷ lệ xóa nợ ròng**

Năm 2013, 2014, 2015 NH không có nợ xấu nên tỷ lệ xóa nợ ròng giảm 100% so với 2012. Điều này cho thấy các biện pháp hạn chế RRTD trong cho vay đối với DN của chi nhánh đã từng bước có hiệu quả, tình hình thu hồi nợ xóa qua từng năm của chi nhánh cũng đạt được những kết quả đáng khả quan, cụ thể đến năm 2012 là 1.500

triệu đồng, năm 2014 tăng lên 1.700 triệu đồng, đến 2015 còn 0đồng. Đó là nhờ NH đã kiên quyết áp dụng mọi biện pháp để tận thu, hơn nữa hầu hết các khoản vay DN đều có TSBĐ và các KH phát sinh các khoản nợ xấu vẫn ý thức tốt trong việc nỗ lực trả nợ NH nên làm giảm các khoản xóa nợ ròng

**Bảng 2.12. Tỷ lệ xóa nợ ròng**

CHỈ TIÊU	2012	2013	2014	2015	CL (13/12)		CL (14/13)		CL (15/14)	
					Số tiền (tỷ đồng)	TĐ (%)	Số tiền (tỷ đồng)	TĐ (%)	Số tiền (tỷ đồng)	TĐ (%)
1. Dự nợ xóa trong bảng	2,25	0	9,175	0	-2,25	-	9,175	-	-9,175	-
2. Thu hồi nợ xóa	1,5	0	1,7	0	-1,5	-	1,7	-	-1,7	-
3. Các khoản xóa nợ ròng	1,8	0	0	0	-1,8	-	0	-	0	-
4. Tổng dự nợ	1237	1336	2178	2159	99	8,00	842	63	0	0
5. Tỷ lệ xóa nợ ròng (%)	0,15	0	0	0	-		-		-	

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh của BIDV Chi nhánh Đắk Lắk)

**d. Tỷ lệ trích lập dự phòng**

Từ bảng số liệu 2.11 có thể thấy, tính từ năm 2012 tỷ lệ trích lập dự phòng của chi nhánh duy trì trong năm 2012, và giảm trong năm 2013, tăng qua năm 2014, đến năm 2015 đã giảm (năm 2012 là 1,24%, năm 2013 là 1,18%, năm 2014 là 2,25%, năm 2015 là

2,04%). Nguyên nhân là do chi nhánh đã giảm khoản nợ xấu bằng cách xử lý từ quỹ DPRR để làm trong sạch bảng cân đối kế toán. Đồng thời, sự giảm xuống của DPRR chứng tỏ nợ xấu trong năm 2015 đã giảm đi và chi nhánh đã hạn chế khá tốt rủi ro trong cho vay đối với DN, qua đó giảm bớt khả năng gánh chịu tổn thất do rủi ro gây ra.

**Bảng 2.13. Tỷ lệ trích lập dự phòng**

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1. Trích dự phòng rủi ro	15,28	15,77	49	44
2. Tổng dư nợ	1237	1336	2178	2159
3. Tỷ lệ trích dự phòng (%)	1,24	1,18	2,25	2,04

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh của BIDV Chi nhánh Đắk Lắk)

**e. Tình hình lãi treo**

**Bảng 2.14. Tình hình lãi treo**

CHỈ TIÊU	2012	2013	2014	2015	Chênh lệch 13/12		Chênh lệch 14/13		Chênh lệch 15/14	
					Số tiền (tỷ đồng)	TĐ (%)	Số tiền (tỷ đồng)	TĐ (%)	Số tiền (tỷ đồng)	TĐ (%)
1. Lãi treo phát sinh	6,24	6,75	15,5	9,9	0,51	8,17	8,75	129,63	-5,6	-36,13
2. Lãi treo thu được	3,12	2,84	4,1	6,2	-0,28	-8,97	1,26	44,37	2,1	51,22
3. Tổng lãi treo	3,12	3,92	11,4	15,1	0,8	25,64	7,48	190,82	3,7	32,46

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh của BIDV Chi nhánh Đắk Lắk)



Qua số liệu ta thấy tồn lãi treo tương đối lớn điều này sẽ làm cho Chi nhánh không thực hiện được kế hoạch lợi nhuận kỳ vọng, nhất là trong năm 2015 tồn lãi treo 15,10 tỷ đồng và năm 2014 tồn lãi treo là 11,4 tỷ đồng. Như vậy nguy cơ xảy ra rủi ro cho vay đối với những khách hàng Doanh nghiệp ngày càng gia tăng

### **2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐT& PT VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐẮK LẮK**

#### **2.3.1. Kết quả**

- Hoạt động tín dụng của Chi nhánh tăng trưởng mạnh nhưng chất lượng tín dụng vẫn trong tầm kiểm soát.

- Các bộ phận đã được chuyên môn hóa sâu hơn tùy theo chức năng tạo tính khách quan, độc lập trong thẩm định cho vay giúp cho người phê duyệt tín dụng nhận định rõ hơn các rủi ro tiềm ẩn.

- Chi nhánh đã tổ chức thực hiện tốt các biện pháp về đổi mới tổ chức quy trình cấp tín dụng theo mô hình mới, công tác đào tạo huấn luyện cán bộ tín dụng.

#### **2.3.2. Những vấn đề tồn tại**

- Công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp đã được thực hiện nhưng vẫn còn bất cập.

- Các giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng doanh nghiệp vẫn chưa đa dạng, phụ thuộc vào tài sản đảm bảo

- Công tác xử lý rủi ro tín dụng còn kém. Khi xảy ra rủi ro thì việc xử lý tài sản để thu hồi nợ gặp nhiều khó khăn.

- Sự tuân thủ quy trình tín dụng của chi nhánh nhiều khi còn lỏng lẻo.

- Công tác kiểm soát nội bộ chưa được thực hiện thường xuyên, chất lượng còn thấp, chưa dự báo và đưa cảnh báo sớm đối

với các rủi ro cũng như đề ra các biện pháp hạn chế rủi ro kịp thời.

- Hầu hết cán bộ tín dụng của chi nhánh còn non trẻ, phần lớn công tác trong lĩnh vực tín dụng từ 1- 3 năm nên kinh nghiệm còn nhiều hạn chế, số lượng cán bộ tín dụng vẫn còn thiếu chưa đủ đáp ứng cho nhu cầu hoạt động của chi nhánh.

### **2.3.3. Nguyên nhân của những tồn tại**

- *Nguyên nhân bên trong:*

+ Hệ thống thông tin: Việc kiểm soát chất lượng thông tin chưa cao, đôi khi xuất hiện nhiều thông tin trái chiều gây tranh cãi. Đối với các thông tin nhận được từ trung tâm tín dụng CIC của NHNN thì không được cập nhật kịp thời.

+ Trình độ của đội ngũ nhân sự chưa đồng đều, chưa được đào tạo một cách đầy đủ và có hệ thống.

+ Chưa thực sự chú trọng đến công tác đánh giá lại tài sản đảm bảo, chưa đáp ứng được yêu cầu cập nhật thường xuyên giá trị thị trường hợp lý, tình trạng tài sản kịp thời.

+ Công tác xếp hạng tín dụng nội bộ của BIDV Đắc Lắc còn mang tính định tính, chủ quan của cá nhân CB QHKH.

+ Công tác giám sát và quản lý vốn vay được thực hiện còn chưa thực sự chặt chẽ, kịp thời, đặc biệt đối với các Doanh nghiệp vay vốn nhiều Ngân hàng, Doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa nông sản, vàng... làm nảy sinh nguy cơ tiềm ẩn rủi ro tín dụng rất cao.

+ Việc bố trí nhân sự, phân phối nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, bất cập.

- *Nguyên nhân bên ngoài:*

+ Môi trường pháp lý và các thay đổi về cơ chế chính sách.

+ Các nhân tố từ môi trường kinh tế.

+ Điều kiện kinh tế cũng có nhiều biến động, Chính phủ thực

hiện chính sách cắt giảm, thắt chặt chi tiêu công.

+ Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu.

+ Khách hàng DN trên địa bàn phần lớn còn yếu về năng lực quản trị điều hành; Năng lực tài chính Doanh nghiệp còn yếu việc thiếu minh bạch tài chính kết hợp với những khó khăn kinh tế vĩ mô trong giai đoạn vừa qua dẫn đến nhiều Doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ, phá sản, giải thể.

## **Kết luận Chương 2**

### **CHƯƠNG 3**

## **HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐẮK LẮK**

### **3.1. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐẮK LẮK TRONG THỜI GIAN TỚI**

#### **3.1.1. Định hướng chung của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Chiến lược của BIDV giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến 2020 là phấn đấu trở thành 1 trong 20 NHTM hiện đại có chất lượng, hiệu quả và uy tín hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á vào năm 2020. Trong đó chú trọng đến 3 khâu đột phá chiến lược là:

- Hoàn thiện mô hình tổ chức chuyên nghiệp, hiệu quả các quy trình nghiệp vụ, quy chế quản trị điều hành, phân cấp ủy quyền và phối hợp giữa các đơn vị hướng đến sản phẩm và khách hàng theo thông lệ quốc tế tốt nhất.

- Phát triển nhanh nguồn lực chất lượng cao dựa trên sử dụng và phát triển đội ngũ chuyên gia trong nước và quốc tế làm lực lượng nòng cốt phát triển ổn định và bền vững.

- Nâng cao năng lực khai thác, ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh NH tạo ra khâu đột phá giải phóng sức lao động, tăng tín lan tỏa của khoa học công nghệ tới mọi hoạt động kinh doanh của BIDV.

### **3.1.2. Định hướng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay Doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk**

Căn cứ vào định hướng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và bối cảnh hoạt động cụ thể của Chi nhánh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk xác định mục tiêu trong thời gian tới là tăng trưởng kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững, hiện đại, chuyên nghiệp, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh do Trung ương giao.

Về các định hướng lớn trong công tác kiểm soát RRTD trong cho vay đối với doanh nghiệp:

- Phân đầu trong thời gian tới đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng tín dụng nhưng đảm bảo an toàn, hiệu quả, đồng thời không hạ thấp các điều kiện tín dụng và lãi suất.

- Quản lý tốt những khách hàng truyền thống hiện có tại hội sở, chú trọng tìm kiếm cho vay các khách hàng có tài chính mạnh, an toàn; từng bước giảm quy mô tín dụng đối với những khách hàng yếu kém, không đáp ứng được các điều kiện tín dụng theo quy định hiện hành, tăng cường thu hồi nợ đã xử lý rủi ro đang hạch toán ngoại bảng, đẩy mạnh việc thu lãi, lãi treo, giảm thấp tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn.

- Xây dựng danh mục cho vay các ngành nghề đa dạng, ưu tiên cho vay các ngành nghề có khả năng sinh lời cao, đang hoạt động ổn định và là thế mạnh của địa phương nhưng phải phù hợp với cơ cấu về thời hạn nguồn vốn huy động của chi nhánh;

- Chú trọng đến công tác cán bộ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ tín dụng.

- Triển khai ISO có hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng thẩm định, tăng cường năng lực tự kiểm tra giám sát rủi ro tín dụng, nâng cao ý thức chấp hành cơ chế chính sách của ngành và của NHNN, đồng thời xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

### **3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH ĐẮK LẮK**

**3.2.1. Xây dựng và không ngừng nâng cao chất lượng hệ thống thông tin khách hàng**

**3.2.2. Bảo đảm việc tuân thủ chính sách và quy trình cho vay Doanh nghiệp của Ngân hàng**

**3.2.3. Nâng cao chất lượng thẩm định trong cho vay Doanh nghiệp và Tăng cường kiểm tra, kiểm soát sau cho vay đối với Doanh nghiệp**

**3.2.4. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ**

**3.2.5. Phân tán rủi ro trong cho vay Doanh nghiệp**

**3.2.6. Thực hiện tốt việc phân loại nợ, sử dụng dự phòng RRTD để tài trợ rủi ro tín dụng trong cho vay Doanh nghiệp và hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng**

*a. Hoàn thiện khâu tổ chức thu thập dữ liệu đầu vào*

*b. Hoàn thiện tổ chức thực hiện quy trình Xếp hạng tín dụng*

*c. Hoàn thiện khâu sử dụng kết quả XHTD*

**3.2.7. Tăng cường xử lý nợ có vấn đề, áp dụng các công cụ mới trong xử lý RRTD**

### **3.3. KIẾN NGHỊ**

#### **3.3.1. Đối với chính phủ**

##### ***a. Hoàn thiện môi trường pháp lý đảm bảo an toàn cho hoạt động tín dụng***

Trong thời gian qua, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp lý quan trọng liên quan đến hoạt động tín dụng Ngân hàng. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số điểm bất cập vì vậy, kiến nghị Chính phủ cần có những quy định rõ ràng hơn về các vấn đề sau:

- + Quy định rõ phần phát mại bán đấu giá tài sản đảm bảo của NHTM

- + Quy định rõ các trường hợp vô hiệu hoá hợp đồng tín dụng, hợp đồng kinh tế

- + Quy định trách nhiệm rõ ràng cho các cấp các ngành trong việc xử lý tài sản thế chấp của NHTM. Đồng thời quy định rõ thời gian thủ tục xử lý các trường hợp này.

- + Quy định rõ để tránh các trường hợp hình sự hóa các quan hệ trong hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và khách hàng.

##### ***b. Tăng cường công tác quản lý của các cơ quan có thẩm quyền đối với hoạt động của các Doanh nghiệp***

Trong điều kiện thực thi cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các cơ quan có thẩm quyền cần phải:

- + Thực thi tốt kế hoạch phát triển kinh tế tổng thể đã đề ra.

- + Ban hành và hướng dẫn chỉ đạo các ngành các cấp thực thi các điều quy định pháp lý đã ban hành, tăng cường công tác thanh tra kiểm soát đối với các Doanh nghiệp.

- + Thực hiện nghiêm túc các quy định về cấp giấy phép hoạt động kinh doanh đối với các Doanh nghiệp mới.

- + Cần tiến hành những biện pháp kinh tế và hành chính có

hiệu lực để thúc đẩy các DN chấp hành đúng pháp lệnh kế toán thống kê.

+ Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại các DNNN, tạo điều kiện để các Doanh nghiệp có đủ khả năng trong điều hành sản xuất kinh doanh và có tình hình tài chính lành mạnh.

+ Tiếp tục duy trì chế độ tài chính về bảo tồn vốn

+ Kiểm soát nghiêm ngặt các luồng hàng từ bên ngoài đưa vào để ngăn chặn hàng nhập lậu. Đây là một trong những vấn đề nhức nhối nhất mà các Doanh nghiệp Việt Nam hiện nay đang phải đối mặt.

+ Có cơ chế, chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính và năng lực quản lý của các Doanh nghiệp vừa và nhỏ để có đủ điều kiện tiếp cận chính sách cho vay của Ngân hàng.

+ Nâng cao chất lượng hoạt động các cơ quan chức năng có liên quan đến hoạt động Ngân hàng như

### **3.3.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước**

- NHNN Việt Nam cần phối hợp với các cơ quan có liên quan phải nhanh chóng nghiên cứu, xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hoàn chỉnh điều chỉnh hoạt động kinh doanh các công cụ tài chính phái sinh của các NHTM. Đây là một trong những công cụ hỗ trợ cho các hoạt động hạn chế rủi ro tín dụng có hiệu quả.

- Về việc xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ, hiện nay vẫn còn nhiều vướng mắc, mâu thuẫn giữa các luật, nghị định, văn bản hướng dẫn, thông tư liên tịch... Chính vì vậy, để tạo điều kiện cho chi nhánh đề nghị các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, xử lý, quy định cụ thể hơn trường hợp TCTD trực tiếp bán tài sản bảo đảm.



- Đề nghị NHNN Việt Nam cần phối hợp với các bộ, ngành hoàn thiện hệ thống kế toán theo chuẩn mực IAS. Xây dựng các giải pháp hoàn thiện phương pháp kiểm soát và kiểm toán nội bộ trong các TCTD và tiến tới các chuẩn mực quốc tế.

- Nâng cao năng lực thanh tra, giám sát của NHNN Việt Nam đối với hoạt động Ngân hàng. Hoàn thiện các quy định an toàn, các biện pháp thận trọng trong hoạt động Ngân hàng; các quy định, chính sách quản lý các loại hình TCTD và hoạt động Ngân hàng; đồng thời đổi mới nội dung, phương pháp, quy trình thanh tra, giám sát phối hợp sự phát triển của công nghệ thông tin, công nghệ Ngân hàng và trên cơ sở áp dụng các nguyên tắc cơ bản về giám sát Ngân hàng có hiệu quả của Ủy ban giám sát Ngân hàng Basel và các chuẩn mực quốc tế về giám sát Ngân hàng ( Basel I) và (Basel II) .

### **3.3.3. Đối với Hội sở chính**

*a. Quan tâm hơn đến vấn đề quản trị rủi ro danh mục tín dụng*

*b. Quan tâm đến các trang bị công nghệ cho chi nhánh*

*c. Thường xuyên rà soát lại hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ*

## **Kết luận Chương 3**

## **KẾT LUẬN**

Luận văn đã luận giải quyết được một số nội dung chủ yếu:

1. Hệ thống hóa được những vấn đề lý luận về rủi ro tín dụng và kiểm soát rủi ro trong tín dụng trong hoạt động kinh doanh của NHTM.

2. Phân tích, đánh giá, nhận xét thực trạng rủi ro tín dụng và công tác kiểm soát rủi ro tín dụng tại BIDV Đắk Lắk.

3. Đưa ra các giải pháp đối với BIDV Đắk Lắk, đồng thời đề xuất một số kiến nghị với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chính phủ trong công tác quản trị rủi ro tín dụng để hoạt động kinh doanh của chi nhánh nói chung và hoạt động tín dụng nói riêng ngày càng phát triển bền vững.

Những vấn đề được đề cập trong luận văn đã gợi mở tới hướng nghiên cứu rất rộng trong quản trị rủi ro tín dụng. Một số hướng mà tác giả có thể đặt mục tiêu nghiên cứu tiếp theo là:

- Các công cụ đo lường rủi ro tín dụng theo chuẩn mực quốc tế có thể áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh doanh tín dụng tại các NHTM Việt Nam.

- Các biện pháp quản trị nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng.

- Quản trị danh mục tài sản bảo đảm tiền vay tại các NHTM Việt Nam.

- Xây dựng hệ thống lưu trữ số liệu thông tin lịch sử về tín dụng của khách hàng, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho việc phân tích đánh giá khách hàng, hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, chính sách dự phòng rủi ro, trong đó có việc đánh giá xác suất vỡ nợ của khách hàng.